

TỔNG QUAN VỀ GIAI TẦNG XÃ HỘI: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VẬN DỤNG TRONG NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM¹

Trần Đức Viên, Mai Thanh Cúc*

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*Tác giả liên hệ: maithanhcuc@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 13.07.2022

Ngày chấp nhận đăng: 22.11.2022

TÓM TẮT

Giai tầng xã hội là một thuật ngữ cơ bản của lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, đang được vận dụng hiện nay trong nghiên cứu phát triển ở Việt Nam. Nghiên cứu này, trước hết tóm lược tổng thuật về giai tầng xã hội, tập trung vào một số thuật ngữ cơ bản 'giai tầng xã hội', 'tầng xã hội', 'giai cấp xã hội' và 'phân tầng xã hội'; sau đó tổng quan về thực trạng, tiến trình, xu hướng vận dụng các khái niệm giai tầng xã hội trong các nghiên cứu phát triển ở Việt Nam thời kỳ kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; từ đó kiến nghị định hướng nghiên cứu hướng tới một cơ cấu giai tầng xã hội hợp lý theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội đến 2030 của nước ta.

Từ khoá: 'Giai tầng xã hội', 'tầng xã hội', 'giai cấp xã hội', 'phân tầng xã hội', 'nghiên cứu phát triển'.

Review on Problems of the 'Social Strata' Conception and Application in the Development Research in Vietnam

ABSTRACT

Social strata/class is a basic concept in social sciences, and it is a term commonly used today in the development research in Vietnam. This study, first summarized narrative review of social strata, focusing on some basic terms 'social strata', 'social class', and 'social stratification' and then reviewed the current situation, process and trends in applying the concepts of social strata in research and development activities in Vietnam's market oriented economy period with socialist orientation, thereby recommending research orientation towards a reasonable social strata structure according to the country's socio-economic development goals to 2030.

Keywords: 'Social class', 'social strata', 'social stratification', 'development research'.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giai tầng xã hội là thuật ngữ cơ bản của lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, ngày càng được vận dụng nhiều trong nghiên cứu phát triển ở Việt Nam, như: nghiên cứu hoạch định chính sách, chiến lược phát triển kinh tế xã hội qua các thời kỳ; các nghiên cứu thống kê chính thống; các nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội.

Việt Nam sau 35 năm đổi mới 'nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển; kinh tế vĩ mô ổn định, vững chắc hơn...' (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Cùng sự phát triển của nền kinh tế, cơ cấu xã hội nói

chung, trong đó cơ cấu giai tầng xã hội nói riêng đã có những chuyển biến sâu sắc (Nguyễn Đình Tấn, 2019). Do vậy, việc nghiên cứu, xác định biến đổi của cơ cấu giai tầng xã hội là rất cần và ngày càng có ý nghĩa quan trọng. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề bất cập cần thảo luận thêm như: các quan điểm về bản chất của phạm trù giai tầng xã hội, phương pháp xác định, đo lường, đánh giá thuật ngữ này trên bình diện lý thuyết, cũng như sự vận dụng vào thực tiễn trong các nghiên cứu phát triển ở nước ta trong thời gian qua.

Nghiên cứu này, vì vậy nhằm tập trung vào giải quyết các mục tiêu sau: (i) Tóm lược tổng thuật về thuật ngữ 'giai tầng xã hội', từ đó,

¹Đây là kết quả của đề tài KX04-20/21-25

(ii) Tổng quan về sự vận dụng các khái niệm về giai tầng xã hội trong nghiên cứu phát triển ở Việt Nam thời kỳ kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, từ đó kiến nghị định hướng nghiên cứu hướng tới một cơ cấu giai tầng xã hội hợp lý theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội đến 2030 của nước ta.

Nghiên cứu sử dụng chủ yếu là *Phương pháp nghiên cứu thông tin thứ cấp*: thu thập - tổng hợp - phân tích thông tin thứ cấp (*secondary data review*). Từ thông tin thứ cấp thu thập được, rà soát, tổng hợp, xem xét, phân tích một cách khách quan hệ thống (theo tiến trình thời gian), từ đó bình luận và kiến nghị.

Cụ thể, sử dụng *phương pháp tổng thuật* (narrative review) về *thuật ngữ* ‘giai tầng xã hội’ (từ khái niệm, bản chất, các tiêu chí đo lường/đánh giá...) đang được sử dụng ở Việt Nam, và *phương pháp tổng quan* (literature review) về *thực tiễn vận dụng thuật ngữ* ‘giai tầng xã hội’ (bản chất, các tiêu chí đo lường/đánh giá...) trong *nghiên cứu phát triển* ở Việt Nam thời kỳ kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (giai đoạn 1990 - định hướng đến 2030).

Nguồn thông tin thứ cấp được thu thập từ các văn bản, văn kiện, sách báo, các báo cáo kết quả nghiên cứu, tạp chí, các báo cáo kết quả điều tra - khảo sát thống kê về dân số, mức sống hộ gia đình, điều tra nông nghiệp, nông thôn Việt Nam, lao động việc làm Việt Nam, Niên giám thống kê Việt Nam và các tài liệu khác liên quan đến giai tầng xã hội, tầng xã hội, giai cấp xã hội, phân tầng xã hội, nghiên cứu và phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam được công bố chính thống trong thời gian qua.

2. TÓM LƯỢC TỔNG THUẬT VỀ GIAI TẦNG XÃ HỘI

Trên thế giới, trong lý luận xã hội học, các thuật ngữ ‘*giai cấp xã hội*’ (social class), ‘*tầng xã hội*’ - thời gian gần đây được hiểu như ‘*giai tầng xã hội*’ (social strata), ‘*phân tầng xã hội*’ (social stratification) được sử dụng từ lâu. Theo Bùi Thế Cường & Trương Sĩ Ánh (2020) thì “Tùy theo các chuyên ngành khác nhau, ở các thời kỳ khác nhau, các quốc gia khác nhau mà người ta

đưa ra các quan niệm khác nhau hoặc thống nhất sử dụng thay thế nhau giữa các thuật ngữ này. Trong văn liệu Mỹ, khái niệm “giai cấp” (class) và “giai tầng” (strata) thường sử dụng như nhau. Trong khi ở Đức có khác biệt rõ ràng giữa “giai cấp” (Klassen) và “giai tầng” (Schichten) cả trong lý luận xã hội học và thực tiễn vận dụng. Tương tự, ở Anh thuật ngữ “giai cấp” (class) cũng dùng và hiểu đa nghĩa cả trong văn bản chính thức, học thuật và thực tiễn”.

Ở Việt Nam, trong một thời gian dài, các thuật ngữ các thuật ngữ ‘tầng xã hội’ ‘giai tầng xã hội’, ‘phân tầng xã hội’ rất ít được sử dụng trong nghiên cứu lý luận và vận dụng trong thực tiễn. Thay vào đó thuật ngữ ‘*giai cấp*’ và ‘*phân hóa giai cấp*’ được sử dụng chủ yếu. Về thuật ngữ ‘*giai cấp xã hội*’, có nhiều quan điểm khác nhau. Một số quan điểm cơ bản cho rằng, thuật ngữ giai cấp “chỉ một nhóm xã hội mà các thành viên có vị trí tương đương nhau trong một cơ cấu bất bình đẳng khách quan về vật chất do một hệ thống những quan hệ kinh tế đặc trưng cho một phương thức sản xuất cụ thể tạo ra”, hay “giai cấp là một nhóm người chia sẻ một vị trí giống nhau trong hệ thống phân tầng xã hội” (Phạm Tất Dong & Lê Ngọc Hùng, 2001).

Thuật ngữ ‘tầng xã hội’, ‘phân tầng xã hội’ sau những năm 1990 mới được đưa vào sử dụng chính thức ở Việt Nam. Các thuật ngữ này được đề cập chủ yếu về *khái niệm* trong “Từ điển xã hội học” (Nguyễn Khắc Viện, 1994), trong “Giáo trình xã hội học đại cương” (Phạm Tất Dong & cs., 1995). Sau đó, thuật ngữ ‘phân tầng xã hội’ được đề cập chi tiết hơn từ *khái niệm* đến các *lý thuyết* trong “Giáo trình xã hội học” (Phạm Tất Dong & Lê Ngọc Hùng, 2001). Từ đó, về khía cạnh lý thuyết, thuật ngữ ‘tầng xã hội’, ‘phân tầng xã hội’ được chính thức hóa trong các giáo trình, tài liệu của các ngành khoa học xã hội nhân văn ở nước ta.

Cùng với thuật ngữ ‘phân tầng xã hội’, ‘tầng xã hội’, những năm gần đây thuật ngữ ‘*giai tầng xã hội*’ bắt đầu được sử dụng với hàm ý như là thuật ngữ ‘tầng xã hội’ (social strata), cả trong lý luận và thực tiễn vận dụng. Thuật ngữ này được đề cập trong một số nghiên cứu lý luận và

thực tiễn như: “Nghiên cứu cơ cấu *giai tầng xã hội* Việt Nam thập niên 1980” của Bùi Thế Cường (2019), “*Giai tầng xã hội* dựa trên thu nhập ở Việt Nam” của Bùi Thế Cường & Trương Sĩ Ánh (2020), “Xu hướng biến đổi *giai tầng xã hội* nông thôn Việt Nam” của Nguyễn Thị Diễm & cs. (2021).

Thuật ngữ ‘*giai tầng xã hội*’ và ‘*tầng xã hội*’ về khía cạnh ngôn ngữ quốc tế đều được dịch nghĩa từ thuật ngữ ‘*social strata*’. Strata là từ được sử dụng trong địa chất học (*strata*, tầng địa chất), người ta đã ứng dụng khái niệm này trong địa chất học vào lý luận xã hội học. Tuy nhiên, về hàm ý thuật ngữ “*giai tầng xã hội*” khi sử dụng ở Việt Nam được hiểu như là “một kết hợp ý nghĩa của thuật ngữ “*giai cấp xã hội*” (*social class*) và “*tầng xã hội*” (*social strata*)” (Bùi Thế Cường, 2019).

Dù được biểu đạt về ngôn ngữ (tiếng Việt) có khác nhau, nhưng thuật ngữ ‘*giai tầng xã hội*’ và ‘*tầng xã hội*’ là có cùng bản chất. Có nhiều hình thức trình bày khác nhau về khái niệm này trong các giáo trình, tài liệu đang lưu hành. Tuy nhiên, hầu hết đều thống nhất một khái niệm ở mức độ chung nhất (về bản chất), đó là: “*giai tầng xã hội* (tầng xã hội) là tập hợp các cá nhân có cùng hoàn cảnh xã hội, *giống nhau về địa vị, bao gồm địa vị kinh tế (của cải, tài sản, thu nhập), địa vị xã hội (uy tín), địa vị chính trị (quyền lực)*. Từ đó mà họ có được những cơ hội thăng tiến, sự phong thưởng và những thứ bậc nhất định trong xã hội” (Nguyễn Thị Diễm & cs., 2021).

Trên cơ sở khái niệm *giai tầng xã hội* (tầng xã hội) có khái niệm *phân tầng xã hội*. *Phân tầng xã hội* là sự phân chia xã hội ra thành các tầng xã hội khác nhau về địa vị kinh tế, địa vị xã hội, địa vị chính trị cũng như một số khác biệt về trình độ học vấn, nghề nghiệp, nơi cư trú, phong cách sinh hoạt, cách ứng xử và thị hiếu. Việc sử dụng thuật ngữ *phân tầng xã hội* để nói tới trạng thái phân chia xã hội thành các tầng lớp là nhấn mạnh tới yếu tố “*tĩnh*”, nhưng xã hội luôn biến đổi và trong xã hội, giữa các tầng lớp xã hội không có sự phân biệt rạch ròi mà luôn chuyển hoá cho nhau từ tầng xã hội này sang tầng xã hội khác hoặc trong nội bộ một

tầng, tạo nên yếu tố “*động*” của phân tầng xã hội hay di động xã hội. Vì vậy, phân tầng xã hội vừa có yếu tố “*tĩnh*” vừa có yếu tố “*động*” (Phạm Tất Dong & Lê Ngọc Hùng, 2001).

Quan niệm về phân tầng xã hội gắn với cấu trúc của xã hội và bất bình đẳng chủ yếu bắt nguồn từ hai nhóm học thuyết truyền thống sau đây:

Lý thuyết chức năng về sự phân tầng xã hội xem sự phân tầng xã hội mang tính tất yếu vì trong lịch sử loài người chưa hề có xã hội không phân tầng, hoặc là hoàn toàn phi giai cấp. Sự phân tầng là tất yếu mang tính chức năng. Mọi xã hội đều cần một hệ thống như thế, và nhu cầu này của xã hội đưa tới sự tồn tại một hệ thống phân tầng - một cấu trúc không chỉ gồm các cá nhân trong hệ thống phân tầng mà là một hệ thống của các vị trí đưa tới các mức độ uy tín khác nhau. Theo lý thuyết chức năng, sự xếp đặt địa vị xã hội thích hợp là một vấn đề cơ bản vì ba lý do. Một là, có một số địa vị dễ chịu khi chiếm giữ hơn một số khác. Hai là, có một số địa vị quan trọng cho sự tồn tại của xã hội hơn một số khác. Ba là, các địa vị xã hội khác nhau đòi hỏi các tài năng và năng lực khác nhau (Phạm Tất Dong & Lê Ngọc Hùng, 2001).

Lý thuyết xung đột về phân tầng xã hội có hai cách tiếp cận khái niệm quan trọng là học thuyết Marxist về giai cấp và lý thuyết phân tầng xã hội của Max Weber. Các nhà lý luận của chủ nghĩa Marxist cho rằng chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất làm nảy sinh giai cấp, đó là các tập đoàn người khác nhau về sở hữu đối với các tư liệu sản xuất cơ bản, từ đó mà có các khác biệt đến mức đối lập về quyền lợi kinh tế, chính trị và xã hội. Trong khi các giai cấp trong lý thuyết của Karl Marx được xác định bởi mối quan hệ của chúng với tư liệu sản xuất, các giai cấp trong khái niệm của Max Weber được định hình bởi các cơ hội thị trường khác nhau. Lý thuyết giai cấp bắt nguồn từ truyền thống, còn Max Weber coi “vị trí thị trường” như là cơ sở của sự khác biệt của giai cấp và là yếu tố quan trọng nhất quyết định cuộc sống và cơ hội của các thành viên trong giai cấp. Bên cạnh giai cấp (class), Max Weber còn cho rằng sự bất bình đẳng về địa vị (status) với những đặc ân và vinh

dự trong cộng đồng và quyền lực được tạo ra từ các đảng phái (party) là cơ sở của phân tầng xã hội (Waters & Waters, 2016).

Như vậy, các định nghĩa và lý thuyết về ‘*giai tầng xã hội*’ và ‘*phân tầng xã hội*’ nói trên đã chỉ ra được bản chất và ba tiêu chí (cơ sở) đo lường/đánh giá “*giai tầng xã hội* (tầng xã hội) đó là: (i) *địa vị kinh tế* (của cải, tài sản, thu nhập), (ii) *địa vị xã hội* (uy tín), và (iii) *địa vị chính trị* (quyền lực). Tuy nhiên, hầu như chưa có một nghiên cứu lý luận nào biện minh rõ về các chỉ tiêu cụ thể cho mỗi một tiêu chí nói trên. Điều này đã gây ra những khó khăn cho sự vận dụng trong những nghiên cứu thực tiễn liên quan.

3. SỰ VẬN DỤNG THUẬT NGỮ ‘GIAI TẦNG XÃ HỘI’ TRONG NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN THỜI KỲ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

3.1. Vận dụng trong hoạch định các chiến lược phát triển kinh tế xã hội

Trong những năm qua, nghiên cứu lý luận về xã hội nói chung, về *giai tầng xã hội* nói riêng đã góp phần quan trọng trong việc cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Sự vận dụng lý luận và quan điểm giai tầng xã hội, trước hết *được thể hiện trong đường lối, chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Đảng*.

Cụ thể, trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX nêu rõ: “Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, *giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau*, nhưng cơ cấu, tính chất, vị trí của các giai cấp trong xã hội ta đã thay đổi nhiều cùng với những biến đổi về kinh tế, xã hội” và “Mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001).

Thuật ngữ ‘*giai cấp*’, ‘*tầng xã hội*’, như vậy là đã được đưa vào vận dụng trong giai đoạn 2001-2005. Theo đó, việc xác định các ‘*tầng xã hội*’ và đánh giá mối quan hệ giữa các *giai cấp*,

các tầng lớp xã hội là nhiệm vụ nghiên cứu đánh giá thực tiễn được đặt ra trong giai đoạn này.

Đại hội lần thứ XII đã nhận rõ tầm quan trọng của việc xây dựng cơ cấu giai tầng xã hội của quá trình phát triển đất nước theo định hướng XHCN, Văn kiện nêu rõ: “Thực hành các giải pháp, chính sách và quản lý để bảo đảm *cơ cấu giai tầng xã hội, dân cư, ngành nghề hợp lý*”; “... *thực hiện các chính sách phù hợp với các giai tầng xã hội*”. Trên cơ sở dự báo đúng xu hướng biến đổi *cơ cấu xã hội* ở nước ta trong những năm tới để xây dựng các chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội phù hợp (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016).

Giai đoạn 2016-2020, thuật ngữ ‘*giai tầng xã hội*’ tiếp tục được đưa vào sử dụng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội. Điều này, đặt ra cho các nhà nghiên cứu nhiệm vụ xác định, phân tích, đánh giá *cơ cấu giai tầng xã hội*, cũng như nghiên cứu đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với *các giai tầng xã hội*”.

Đến đại hội Đảng lần thứ XIII, xác định rõ mục tiêu phát triển: “Giải quyết *hài hoà các quan hệ lợi ích giữa các giai tầng* trong xã hội. Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Bảo đảm công khai, minh bạch thông tin, quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của mọi *tầng lớp nhân dân*...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Chiến lược phát triển kinh tế xã hội đến 2030 xác định rõ *cơ cấu hai giai cấp, nhiều tầng lớp trong thời kỳ đổi mới* (giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, tầng lớp doanh nhân, tầng lớp tiểu thương...). “Xây dựng *giai cấp công nhân* hiện đại, lớn mạnh; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư. Phát huy *vai trò chủ thể của nông dân* trong quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới... Xây dựng *đội ngũ trí thức* ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới. Phát triển *đội ngũ doanh nhân* lớn mạnh về số lượng và chất lượng, có tinh thần cống hiến cho

dân tộc, có chuẩn mực văn hoá, đạo đức tiến bộ và trình độ quản trị, kinh doanh giỏi” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Giai đoạn từ nay đến 2030, nhiệm vụ của nghiên cứu phát triển là tiếp tục *xác định, đánh giá* các giai tầng (tầng lớp trí thức, tầng lớp doanh nhân, tầng lớp tiểu thương...) và giai cấp (giai cấp công nhân, giai cấp nông dân) trong xã hội. Xác định, đánh giá được *lợi ích và các quan hệ lợi ích* giữa các giai tầng, giai cấp này. Một *số chỉ tiêu* đánh giá liên quan cũng được gợi ý nhấn mạnh như: bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động, chuẩn mực văn hoá, đạo đức, trình độ quản trị, kinh doanh trong giai đoạn này.

Như vậy, thuật ngữ giai tầng xã hội đã ngày càng được chú trọng hơn trong đường lối, chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Đảng trong thời kỳ kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Tuy nhiên, như đã trình bày ở trên, việc vận dụng thuật ngữ này mới chỉ ở mức độ tổng quát, chưa có một giải thích làm rõ hàm ý thuật ngữ này và các tiêu chí đánh giá liên quan trong các văn kiện chính thức hoặc các văn bản hướng dẫn thực hiện và nghiên cứu đánh giá thực hiện các chiến lược phát triển của nước ta.

3.2. Vận dụng trong nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội

Từ khi chuyển sang thời kỳ kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, theo quan điểm ‘*xây dựng các giai tầng xã hội*’ hướng tới một cơ cấu giai tầng xã hội hợp lý, công bằng các nghiên cứu về giai tầng xã hội được chú trọng và tính hệ thống hơn.

Khởi đầu cho những nghiên cứu *liên quan đến giai tầng xã hội* đó là nghiên cứu điều tra, khảo sát thống kê của Tổng cục Thống kê. Mặc dù chưa có một nghiên cứu điều tra chuyên đề trực tiếp về giai tầng xã hội, nhưng các nghiên cứu điều tra thống kê này góp phần cả về lý luận và dữ liệu thực tiễn liên quan đến giai tầng xã hội của nước ta.

Những nghiên cứu đó là: Nghiên cứu điều tra về mức sống dân cư, hộ gia đình Việt Nam

qua các thời kỳ năm 1992-1993, 1997-1998, năm 1999, năm 2002, năm 2004, năm 2006, năm 2008, năm 2010, năm 2012, năm 2014, năm 2016. Các nghiên cứu điều tra nông nghiệp, nông thôn Việt Nam năm 2006, khảo sát, điều tra nông nghiệp, nông thôn Việt Nam năm 2011, điều tra nông nghiệp, nông thôn Việt Nam năm 2016, khảo sát lao động việc làm Việt Nam năm 2019, điều tra lao động việc làm Việt Nam năm 2020...

Tất cả các nghiên cứu điều tra thống kê này đều mới chỉ đề cập đến *xác định giai tầng xã hội* theo *tiêu chí kinh tế* (chủ yếu là chỉ tiêu thu nhập). Bùi Thế Cường & Trương Sĩ Anh (2020) cho rằng “Tiến hành Khảo sát Mức sống Dân cư đầu tiên ở Việt Nam năm 1992-1993, Ngân hàng Thế giới đã giới thiệu cách xử lý dữ liệu theo phân loại ngũ vị phân theo *thu nhập hay chi tiêu*. Kể từ đó đến cuối thập niên 2000, Ngân hàng Thế giới thường xuyên dùng phân loại ngũ vị phân theo *thu nhập hay chi tiêu* làm công cụ chính để xem xét mức độ và xu hướng phân tầng xã hội ở Việt Nam. Từ đó, Tổng cục Thống kê cũng dùng phân loại ngũ vị phân theo *thu nhập hay chi tiêu* làm công cụ kỹ thuật phân loại chính trong mọi báo cáo về khảo sát mức sống dân cư cho đến nay”.

Như vậy, các báo cáo kết quả điều tra, khảo sát mức sống dân cư, hộ gia đình; điều tra nông nghiệp, nông thôn; khảo sát lao động việc làm Việt Nam qua các thời kỳ nói trên đã cung cấp thông tin chính thống về *cách phân loại, các tiêu chí, chỉ báo* cho các nghiên cứu đánh giá về phân tầng, đánh giá cơ cấu giai tầng xã hội trong giai đoạn kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Trong ba nhóm tiêu chí phân tầng xã hội (địa vị kinh tế, địa vị xã hội, địa vị chính trị...) có thể nhận thấy rằng thông tin về phân tầng xã hội tập trung nhiều vào các tiêu chí/chỉ báo kinh tế (thu nhập, chi tiêu, tài sản và nhà ở...). Vì vậy hầu hết những nghiên cứu về giai tầng xã hội trong thời kỳ này chủ yếu dựa thông tin điều tra thống kê và phương pháp phân tầng xã hội theo tiêu chí kinh tế.

Sau các nghiên cứu điều tra thống kê kinh tế xã hội có *liên quan đến giai tầng xã hội*, có

thể kể đến một số nghiên cứu trực tiếp về *giai tầng xã hội* trong giai đoạn này, đó là:

Nghiên cứu về *‘Phân tầng xã hội ở Việt Nam hiện nay - Phương pháp tiếp cận và sản phẩm nghiên cứu’*, Trịnh Duy Luân (2002), nhân định rằng: “Để mô hình hoá cấu trúc phân tầng của một xã hội, người ta thường sử dụng các “tháp phân tầng”, tương tự như “tháp dân số”, tức là sắp xếp các “tầng” theo thứ tự từ dưới đáy là các tầng lớp nghèo khổ (hạ lưu) lên đến tầng lớp trung bình (trung lưu thấp và cao) và trên cùng là tầng lớp giàu có (thượng lưu), cùng với tỷ lệ phần trăm mà các tầng lớp này chiếm trong cơ cấu xã hội. Phân tầng mức sống cũng gắn liền với sự khác biệt theo khu vực và vùng kinh tế - xã hội”.

Nghiên cứu *‘Phân tầng xã hội ở nước ta qua điều tra mức sống hộ gia đình’*, Lê Văn Toàn (2008) khẳng định: “Phân tầng xã hội và phân hóa giàu nghèo diễn ra giữa các vùng, miền khác nhau, giữa khu vực thành thị và nông thôn..., thậm chí trong nội bộ một giai cấp, trong cùng một nghề nghiệp hay giữa các hộ gia đình”. Tuy vậy, nghiên cứu này vẫn chủ yếu dựa vào kết quả điều tra thống kê mức sống hộ gia đình qua các năm 1993-2006 và cũng chỉ vẫn xác định phân tầng xã hội theo tiêu chí kinh tế (*Thu nhập; Chi tiêu; Tài sản và nhà ở*). Cụ thể, phân tầng xã hội theo thu nhập trong nghiên cứu này được biểu hiện qua hai chỉ tiêu đó là ‘Thu nhập bình quân người/tháng chia theo khu vực, vùng’ và ‘Tỷ lệ hộ nghèo chung của cả nước qua các năm khu vực, vùng’. Trong khi đó, phân tầng xã hội theo chi tiêu được biểu hiện qua chỉ tiêu ‘Mức chi tiêu bình quân đầu người/tháng’, và phân tầng xã hội theo tài sản và nhà ở được biểu hiện qua hai chỉ tiêu ‘Diện tích nhà ở bình quân đầu người’ và ‘Giá trị tài sản bình quân/người’.

Nghiên cứu *‘Giai tầng xã hội dựa trên thu nhập ở Việt Nam, 1998-2018’* của Bùi Thế Cường & Trương Sĩ Ánh (2020) cũng sử dụng dữ liệu từ ba cuộc Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam các năm 1998, 2008 và 2018 của Tổng cục Thống kê và cũng dựa trên *‘tiếp cận phân loại xã hội theo thu nhập’*. Kết quả là, từ các phạm trù thu nhập hình thành do quá trình phân tích, nhóm nghiên cứu đã tạo nên một thang sáu giai tầng xã hội (dựa trên thu nhập),

đặt tên là: giai tầng trên, giữa trên, giữa giữa, giữa dưới, dưới trên, và dưới dưới. Khi phân tích, sáu giai tầng xã hội cũng được gom thành ba tầng xã hội: tầng trên (gồm giai tầng trên và giữa trên), tầng giữa (gồm giai tầng giữa giữa và giữa dưới), và tầng dưới (gồm giai tầng dưới trên và dưới dưới).

Nghiên cứu ‘Tình trạng phân tầng xã hội hai cực ở Việt Nam hiện nay’ của Đỗ Thiên Kính (2018), tác giả đã lựa chọn “nghề nghiệp được hiểu như là bộ tiêu chí (chỉ báo) tổng hợp để phân nhóm và sắp xếp thứ bậc các tầng lớp trong xã hội”. Tuy vậy, trong nghiên cứu này tác giả vẫn sử dụng dữ liệu của các cuộc điều tra khảo sát mức sống, trước hết nhằm mục đích phân tích thu nhập và chi tiêu của hộ gia đình Việt Nam nhưng cũng thích hợp cho việc nghiên cứu về phân tầng xã hội, bởi vì các bộ số liệu này có thông tin về nghề nghiệp của những cá nhân dùng để “phân nhóm” và có những chỉ báo đo lường địa vị kinh tế cá nhân dùng để “phân tầng”. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra sự bất bình đẳng giữa các tầng lớp xã hội về tài sản chỗ ở - gồm nhà ở và đất ở (vẫn theo tiêu chí kinh tế).

Nghiên cứu ‘Quản lý phát triển xã hội về bất bình đẳng, phân tầng xã hội ở nước ta trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, xây dựng nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế’ của Nguyễn Thị Thu Hà & Nguyễn Văn Thực (2019). Trong nghiên cứu này, dữ liệu điều tra thống kê về thu nhập là cơ sở phân tầng, xác định ‘Phân cực giàu nghèo giữa các vùng miền’, ‘Phân cực giàu nghèo giữa khu vực nông thôn và đô thị’ và ‘Phân cực giàu nghèo giữa các nhóm dân tộc’.

Nghiên cứu *‘Sự biến đổi của cơ cấu giai - tầng xã hội và những vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay’* của Nguyễn Đình Tấn (2019) cho rằng: “...đã xuất hiện một xã hội có “cấu trúc tầng bậc” (hierarchical structure) ngày càng rõ ràng; hình thành nên những giai - tầng xã hội khác nhau về thu nhập, mức sống, địa vị kinh tế, hưởng thụ văn hóa, quyền lực chính trị và uy tín xã hội... Những giai - tầng này không phải là phép cộng cơ học, đơn giản của chỉ hai giai cấp và tầng lớp mà là kết quả của sự hình thành phức tạp “ đan kết: nhiều chiều thông qua những cơ động “ngang” (horizontal mobility), dọc

(vertical), “vào”, “ra” của những cá nhân, nhóm từ khắp các giai cấp, tầng lớp, tổ chức, đoàn thể xã hội”.

Theo nghiên cứu này, hiện nay, cơ cấu giai - tầng ở nước ta là một cấu trúc “đan kết” vừa có cấu trúc “ngang”, vừa có cấu trúc “dọc”. Cấu trúc “ngang”, đó là một tập hợp các giai cấp, tầng lớp, nghề nghiệp, tổ chức, đoàn thể trong xã hội. Trong đó bao hàm các giai cấp công nhân, nông dân, tiểu thương, doanh nhân, trí thức... Cấu trúc “dọc”, tức là cấu trúc “tầng bậc” cao thấp khác nhau trong xã hội, được xem xét (biểu hiện) ở ba dấu hiệu cơ bản khác nhau: địa vị kinh tế (tài sản, thu nhập), địa vị chính trị (quyền lực), địa vị xã hội (uy tín).

Gần nhất, một nghiên cứu về ‘*Xu hướng biến đổi giai tầng xã hội nông thôn Việt Nam*’ của nhóm tác giả Nguyễn Thị Diễm & cs. (2021) cũng vẫn sử dụng dữ liệu điều tra thống kê của Tổng cục Thống kê như các *Báo cáo tổng kết tổng điều tra nông nghiệp, nông thôn Việt Nam* các năm 2006, năm 2011, năm 2016, *Báo cáo lao động việc làm Việt Nam* các năm 2019, năm 2020.

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra được xu hướng biến đổi giai tầng xã hội nông thôn theo các tiêu chí kinh tế như: theo thu nhập - phân hóa giàu nghèo, theo di động xã hội (*chuyển dịch lao động nông thôn - thành thị; chuyển dịch lao động nông thôn theo các vùng kinh tế, và chuyển dịch lao động nông thôn theo nghề nghiệp*). Bảng 1 là một trong những bảng đặc trưng thể hiện quan điểm, phương pháp và kết quả phân tầng xã hội của nhóm tác giả.

Như vậy, để đáp ứng các yêu cầu quản lý phát triển kinh tế xã hội, các nghiên cứu về giai

tầng xã hội đã bắt đầu được chú trọng và có tính tổ chức, hệ thống hơn. Tiền đề dữ liệu cho những nghiên cứu liên quan đến giai tầng xã hội đó là nghiên cứu điều tra, khảo sát thống kê của Tổng cục Thống kê về mức sống dân cư, hộ gia đình Việt Nam và điều tra nông nghiệp, nông thôn Việt Nam, khảo sát lao động việc làm Việt Nam... qua các thời kỳ. Việc sử dụng triệt để nguồn dữ liệu thống kê kinh tế - xã hội, các cuộc tổng điều tra dân số, điều tra mức sống dân cư, kết hợp với các nghiên cứu chọn mẫu, định tính và phân tích xã hội học là hướng nghiên cứu chủ yếu được áp dụng để xác định và phân tích cơ cấu giai tầng xã hội và xu hướng biến đổi giai tầng xã hội trong thời kỳ này.

Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu về giai tầng xã hội nói trên đều theo cách tiếp cận xã hội học, chưa có tính hệ thống ở bình diện vĩ mô (quốc gia), nội dung chủ yếu tập trung vào xác định, đánh giá thực trạng và xu hướng biến đổi cơ cấu giai tầng xã hội, mà chưa có những chuyên đề nghiên cứu về nguyên nhân và xác định giải pháp hình thành, xây dựng một cơ cấu giai tầng xã hội hợp lý. Về phương pháp phân tầng và xác định cơ cấu giai tầng xã hội, hầu hết các nghiên cứu phân tầng xã hội ở Việt Nam chỉ dựa vào các tiêu chí kinh tế (thông qua các chỉ tiêu như mức sống hay thu nhập, chi tiêu, tài sản và nhà ở) mà chưa đề cập đến các tiêu chí/địa vị xã hội (uy tín) và địa vị chính trị (quyền lực). Dữ liệu về các chỉ tiêu thu nhập, chi tiêu, tài sản và nhà ở đều sử dụng từ nguồn điều tra thống kê (thứ cấp) là chủ yếu, mà chưa có nghiên cứu vĩ mô nào độc lập từ thu thập dữ liệu sơ cấp.

Bảng 1. Cơ cấu lao động nông thôn phân theo trình độ học vấn giai đoạn 2006-2020 (%)

Chỉ tiêu	2006	2011	2016	2019	2020
Chưa qua đào tạo	91,84	88,84	84,13	85,10	81,83
Đã qua đào tạo	8,16	11,16	15,87	14,90	18,17
Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	2,97	2,81	4,74	3,00	4,33
Trung cấp	2,97	4,25	3,85	3,80	4,56
Cao đẳng	1,14	1,93	3,26	2,90	3,26
Đại học trở lên	1,08	2,17	4,02	5,20	6,02

Nguồn: Nguyễn Thị Diễm & cs. (2021).

4. KẾT LUẬN

Khái niệm *giai tầng xã hội* được vận dụng trong nghiên cứu và phát triển ở Việt Nam như là hàm ý nghĩa của thuật ngữ tầng xã hội và phân tầng xã hội. Thuật ngữ giai tầng xã hội đã ngày càng được vận dụng nhiều hơn trong đường lối, chiến lược và nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội trong thời kỳ kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, khía cạnh lý luận (khái niệm, bản chất, tiêu chí đo lường, đánh giá...) về thuật ngữ giai tầng xã hội vẫn chưa được nghiên cứu chuyên sâu ở Việt Nam. Từ đó, sự vận dụng thực tiễn vẫn còn nhiều hạn chế chỉ để phân tầng xã hội là một hạn chế cần khắc phục của các nghiên cứu trong thời kỳ này.

Trên cơ sở những nhận định tổng quát, đặc biệt là những phát hiện về hạn chế của vận dụng lý luận giai tầng xã hội trong nghiên cứu thời gian qua, một số kiến nghị để nghiên cứu giai tầng xã hội đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, đó là:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về phát triển kinh tế xã hội cần xác định rõ vai trò, nhiệm vụ nghiên cứu, nắm bắt biến đổi của cơ cấu giai tầng xã hội là cơ sở khoa học thực tiễn cho việc hoạch định chính sách và thực hành quản lý xã hội, hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế xã hội đến 2030 của nước ta.

Tổng cục Thống kê, cơ quan quản lý nhà nước về thống kê, cần xác định và bổ sung các tiêu chí kinh tế, tiêu chí xã hội và tiêu chí chính trị, lồng ghép và kết hợp điều tra, khảo sát các tiêu chí này qua các cuộc tổng điều tra định kỳ như Tổng điều tra kinh tế, Tổng điều tra Dân số và Nhà ở, Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản, Tổng điều tra mức sống dân cư nhằm cung cấp thông tin thống kê chính thống cho nghiên cứu giai tầng xã hội.

Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan quản lý nhà nước về nghiên cứu khoa học cần xác định nhiệm vụ nghiên cứu giai tầng xã hội trong chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học công nghệ quốc gia. Thực hiện tốt quy trình tuyển chọn, giao nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nhiệm vụ (để

tài) nghiên cứu *giai tầng xã hội*. Nội dung nghiên cứu giai tầng xã hội tập trung vào xác định, đánh giá thực trạng và xu hướng biến đổi cơ cấu giai tầng xã hội, phân tích nguyên nhân và xác định giải pháp hình thành, xây dựng một cơ cấu giai tầng xã hội hợp lý đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam đến 2030.

Các nhà nghiên cứu *giai tầng xã hội* cần sử dụng triệt để nguồn dữ liệu thống kê kinh tế - xã hội, các cuộc tổng điều tra thống kê (dữ liệu thứ cấp), kết hợp với các nghiên cứu chọn mẫu (dữ liệu sơ cấp), sử dụng kết hợp các cách tiếp cận xã hội học - kinh tế - chính trị, sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong nghiên cứu giai tầng xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Thế Cường (2019). Nghiên cứu cơ cấu giai tầng xã hội Việt Nam thập niên 1980. Tạp chí Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh. 12(256): 26-36.
- Bùi Thế Cường & Trương Sĩ Ánh (2020). Giai tầng xã hội dựa trên thu nhập ở Việt Nam, 1998-2018. Tạp chí Xã hội học. 2(150): 20-30.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2001). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội. tr. 85.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội. tr. 135, 157.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội. tr. 19, 23.
- Đỗ Thiên Kính (2018). Tình trạng phân tầng xã hội hai cực ở Việt Nam hiện nay. Tạp chí Xã hội học. 1.
- Lê Văn Toàn (2008). Phân tầng xã hội ở nước ta qua điều tra mức sống hộ gia đình. Truy cập từ <https://tapchicongsan.org.vn/nguyen-cu/-/2018/2848/phan-tang-xa-hoi-o-nuoc-ta-qua-dieu-tra-muc-song-ho-gia-dinh.aspx> ngày 15.10.2021.
- Nguyễn Đình Tấn (2019). Sự biến đổi của cơ cấu giai tầng xã hội và những vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay. Tạp chí Lý luận chính trị. Truy cập từ <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dien-dan/item/2955-su-bien-doi-cua-co-cau-giai-tang-xa-hoi-va-nhung-van-de-dat-ra-trong-boi-can-hien-nay.html> ngày 15.10.2021.
- Nguyễn Thị Thu Hà & Nguyễn Văn Thục (2019). Quản lý phát triển xã hội về bất bình đẳng, phân tầng xã hội ở nước ta trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, xây dựng nhà nước pháp quyền và hội

- nhập quốc tế. Truy cập từ <http://hdl.vn/vi/nghien-cuu-trao-doi/quan-ly-phat-trien-xa-hoi-ve-bat-binh-dang-phan-tang-xa-hoi-o-nuoc-ta-trong-dieu-kien-phat-trien-kinh-te-thi-truong-xay-dung-nha-nuoc-phap-quyen-va-hoi-nhap-quoc-te.html>. ngày 15.10.2021
- Nguyễn Thị Diễm, Dương Nam Hà, Mai Thanh Cúc & Trần Đức Viên (2021). Báo cáo Chuyên đề ‘Xu hướng biến đổi giai tầng xã hội nông thôn Việt Nam. BCH Trung ương Hội nông dân Việt Nam, Hà Nội.
- Phạm Tất Dong & Lê Ngọc Hùng (2001). Giáo trình xã hội học. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. tr. 228-230.
- Tổng cục Thống kê (2007). Báo cáo tổng kết tổng điều tra nông nghiệp, nông thôn Việt Nam năm 2006. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê (2012). Báo cáo tổng kết tổng điều tra nông nghiệp, nông thôn Việt Nam năm 2011. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê (2017). Báo cáo tổng kết tổng điều tra nông nghiệp, nông thôn Việt Nam năm 2016. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê (2019). Báo cáo lao động việc làm Việt Nam năm 2019. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê (2020). Báo cáo lao động việc làm Việt Nam năm 2020. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê (2021). Niên giám thống kê Việt Nam năm 2020. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Trịnh Duy Luân (2002). Phân tầng xã hội ở Việt Nam hiện nay - Phương pháp tiếp cận và sản phẩm nghiên cứu. Tạp chí Hoạt động Khoa học công nghệ. Truy cập từ http://www.cmard2.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=582%3Aphan-tng-xa-hi-vit-nam-hin-nay-phng-phap-tip-cn-va-sn-phm-nghien-cuu ngày 15.10.2021.
- Waters T. & Waters D. (2016). Are the terms “socio-economic status” and “class status” a warped form of reasoning for Max Weber? *Palgrave Communications*. 2(1): 16002.